

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK SONG  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/DS-ST

Ngày 05-6-2024

“V/v tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Tâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Minh Hải và bà Võ Thị Thanh Huệ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Lâm Oanh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song tham gia phiên tòa:**

Ông Đỗ Ngọc Hà, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 300/2023/TLST-DS ngày 12/12/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19a/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2024/QĐST-DS ngày 10/5/2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973 – vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1989. Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông – có đơn xin xét xử vắng mặt.

**2. Bị đơn:** Ông Bùi Văn S, sinh năm 1982 và bà Tô Thị T, sinh năm 1984 – vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện nộp đến Tòa án ngày 01/12/2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và trong quá trình giải quyết người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do quen biết với nhau nên vào ngày 29 tháng 5 năm 2020 bà H có cho ông Bùi Văn S và bà Tô Thị T vay số tiền 272.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi hai triệu đồng) hạn ngày 29/8/2020, lãi suất thỏa thuận miệng là 1,5%/tháng, mục đích đáo hạn ngân hàng. Hai bên có viết giấy nhận nợ, không ghi lãi suất cụ thể. Sau đó từ năm 2020 trở đi, vì chưa có điều kiện trả nợ nên mỗi năm ông S và bà T đều đến khát nợ. Đến nay bị đơn chưa trả lãi cũng như nợ gốc cho nguyên đơn, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc 272.000.000 đồng và lãi suất theo quy định.

**\* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông **Bùi Văn S** vắng mặt và bà **Tô Thị T** trình bày:**

Giữa bà **T** và bà **H** có mối quan hệ quen biết, không có họ hàng gì. Bà **T** thừa nhận bà và ông **Bùi Văn S** có vay của bà **Nguyễn Thị H** số tiền 272.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận miệng lãi 2000 đồng/triệu/ngày, hạn ngày 29/8/2020 sẽ trả cho bà **H** số tiền trên. Tuy nhiên, sau đó bà **T** có mang tiền vay của bà **H** về cho thím của bà **T** là bà **Dương Thị Q** vay lại 185.000.000 đồng, chứ tôi không sử dụng riêng cho mình gia đình tôi. Sau khi vay của bà **H**, bà **T** đã trả cho bà **H** số tiền 100.000.000 đồng tiền lãi, nhưng không có chứng cứ thể hiện đã trả lãi cho bà **H**. Bị đơn thừa nhận còn nợ bà **H** số tiền 272.000.000 đồng. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn trình bày do hoàn cảnh khó khăn nên mong muốn trả cho nguyên đơn theo từng đợt. Bị đơn đề nghị được trả dần trong 03 năm, cuối năm 2024 trả 100.000.000 đồng, năm 2025 trả 100.000.000 đồng và năm 2026 trả 72.000.000 đồng và xin không tính lãi suất.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và sự tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn, bị đơn trong vụ án:**

*Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:* Đã thực hiện hoạt động tố tụng đầy đủ từ quá trình thụ lý, lập hồ sơ vụ án; Xác định đúng quan hệ tranh chấp giữa các bên; Tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ; Thẩm phán đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục, trình tự xét xử. Hội đồng xét xử đúng thành phần, không có trường hợp nào phải thay đổi người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử đã hỏi và tranh luận tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

*Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự:* Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa chấp hành việc tham gia các phiên đối chất, phiên họp về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án.

*Về nội dung:* Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 357, Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà **Nguyễn Thị H**, buộc ông **Bùi Văn S** và bà **Tô Thị T** trả cho bà **Nguyễn Thị H** số tiền 272.000.000 đồng và lãi suất theo quy định. Ngoài ra, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến khắc phục khác: Không.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp:** Bà **Nguyễn Thị H** khởi kiện ông **Bùi Văn S** và **Tô Thị T** trả nợ theo nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng vay

tài sản. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS). Ông **Bùi Văn S** và **Tô Thị T** đang cư trú tại: **Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông**. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

**[2]. Về thời hiệu khởi kiện:** Căn cứ vào giấy vay tiền lập ngày 29/05/2020, thời hạn thỏa thuận trả nợ là ngày 29/8/2020. Ngày 01/12/2023 nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả nợ gốc và lãi. Bị đơn không có yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn vẫn đảm bảo thời hiệu khởi kiện theo Điều 429 Bộ luật Dân sự 2015.

**[3]. Xét nội dung tranh chấp:**

[3.1]. Về số nợ và nghĩa vụ thanh toán:

Xét giấy vay tiền lập ngày 29/5/2020, thời hạn thỏa thuận trả nợ là 29/8/2020 do bị đơn ký nhận thể hiện bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 272.000.000 đồng. Việc giao nhận tiền diễn ra tại nhà nguyên đơn thuộc **Thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông**. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều trình bày khi thực hiện hợp đồng vay tiền đều từ nguyện, không bị ai ép buộc.

Tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định:

“1. *Những tình tiết, sự kiện sau đây không phải chứng minh:*

a) *Những tình tiết, sự kiện rõ ràng mà mọi người đều biết và được Tòa án thừa nhận...*”. Xét giấy vay tiền lập ngày 29/5/2020, thời hạn thỏa thuận trả nợ là 29/8/2020, đây là hợp đồng vay có kỳ hạn, có xác nhận của các đương sự, không trái đạo đức, không trái quy định của pháp luật và các đương sự đều thừa nhận giấy tờ này là có thực nên tình tiết này không phải chứng minh.

Tại Điều 463 BLDS quy định:

“*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.*”

Trong quá trình giải quyết vụ án TAND huyện Đắk Song đã tổng đạt các văn bản tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bà **Tô Thị T** (vợ ông **Bùi Văn S** nhận thay). Tuy nhiên, bị đơn **Bùi Văn S** và **Tô Thị T** không đến Tòa án làm việc. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc coi như từ bỏ quyền của mình và phải chịu nghĩa vụ liên quan đến giao dịch dân sự mà mình đã ký kết.

Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ Luật tố tụng Dân sự quy định: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Căn cứ vào giấy lập ngày 29/5/2020 bị đơn vay của nguyên đơn số tiền là 272.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi hai triệu đồng), đến nay bị đơn chưa trả cho nguyên đơn. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho nguyên đơn mới phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về lãi suất: Xét giấy xác nhận nợ lập ngày 29/5/2020, các đương sự không ghi cụ thể lãi suất, các đương sự có tranh chấp về lãi và bị đơn không đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu. Vì vậy, cần áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự để buộc bị đơn trả cho nguyên đơn lãi suất mới phù hợp quy định của pháp luật.

Tại Điều 357 của Bộ luật dân sự quy định:

*“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.*

*2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.*

Tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định:

“.....

*2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”.*

Như vậy cần buộc bị đơn phải trả lãi cho nguyên đơn từ ngày 29/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 05/6/2024 là 45 tháng 06 ngày x 0,83%/tháng x 272.000.000 đồng = 102.043.520 đồng.

[3]. Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song là phù hợp nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật là 374.043.520 đồng x 5% = 18.702.176 đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nộp tạm ứng án phí đã nộp là 9.146.000 đồng theo biên lai số 0001531 ngày 11/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song là phù hợp nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 144; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **1. Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Bùi Văn S và bà Tô Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H tổng số tiền 374.043.520 đồng (Ba trăm bảy mươi tư triệu không trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm hai mươi đồng) (trong đó nợ gốc là 272.000.000 đồng và nợ lãi là 102.043.520 đồng).

*(Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015).*

**2. Về án phí:** Ông Bùi Văn S và bà Tô Thị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật là 18.702.176 đồng (Mười tám triệu bảy trăm lẻ hai nghìn một trăm bảy mươi sáu đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nộp tạm ứng án phí đã nộp là 9.146.000 đồng (Chín triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai số 0001531 ngày 11/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

**3. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND huyện Đăk Song;
- Chi cục THA huyện Đăk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trần Thị Thanh Tâm**